

# PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP THEO LÃNH THỔ TẠI TỈNH THANH HÓA

Lê Hữu Khuê<sup>1</sup>, Thiều Thị Hương<sup>2</sup>

## TÓM TẮT

*Bằng việc sử dụng các chỉ số và bản đồ, bài báo đã phân tích tình hình phát triển công nghiệp theo lãnh thổ tại tỉnh Thanh Hóa. Kết quả cho thấy trong hai thập kỷ gần đây công nghiệp ở Thanh Hóa được phát triển ở tất cả các lãnh thổ hành chính cấp huyện (thị xã, thành phố) và vùng lãnh thổ. Trong đó các huyện thuộc vùng đồng bằng và ven biển, công nghiệp có mật độ cao hơn và phát triển nhanh hơn. Trên địa bàn Thanh Hóa đã hình thành 47 cụm, 16 khu, 5 dải và 2 trung tâm công nghiệp. Bài báo đã đề xuất một số giải pháp để phát triển công nghiệp theo lãnh thổ hợp lý tại Thanh Hóa đến năm 2030.*

**Từ khóa:** *Phát triển công nghiệp, lãnh thổ, tỉnh Thanh Hóa.*

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Phát triển công nghiệp theo lãnh thổ là một yêu cầu tất yếu trong quá trình công nghiệp hóa đất nước và từng lãnh thổ, trong đó có Thanh Hóa. Thời gian gần đây đã có những đánh giá về sự phát triển công nghiệp Thanh Hóa nói chung [6], về cơ cấu công nghiệp và sự phát triển doanh nghiệp công nghiệp [4], hoặc các khu công nghiệp tập trung nói riêng [5]... Tuy nhiên, nghiên cứu về phát triển công nghiệp theo lãnh thổ tại Thanh Hóa còn ít được chú ý. Nghiên cứu của chúng tôi tập trung vào phân tích tình hình phát triển công nghiệp theo lãnh thổ trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa nhằm tìm kiếm những giải pháp để điều chỉnh không gian phân bố công nghiệp phù hợp với yêu cầu đưa Thanh Hóa trở thành một tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2030 [1].

## 2. CHỈ SỐ VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Về chỉ số dùng để nghiên cứu, chúng tôi chọn 2 chỉ số: giá trị sản xuất công nghiệp và mật độ sản xuất công nghiệp để phân tích sự phát triển công nghiệp theo lãnh thổ tại Thanh Hóa:

*Giá trị sản xuất công nghiệp:* Chỉ số này được Cục Thống kê và Sở Công thương tỉnh Thanh Hóa tính toán và công bố hàng năm.

*Mật độ sản xuất công nghiệp:* Chỉ số này được tính bằng giá trị sản xuất công nghiệp trên mỗi km<sup>2</sup> (Density of Industrial Gross output at Constant 2010 prices by per km<sup>2</sup>). Chỉ số không lệ thuộc vào đơn vị đo cụ thể, là thước đo để đánh giá hoạt động công nghiệp theo lãnh thổ, cho biết giá trị mà hoạt động công nghiệp tạo ra trên lãnh thổ,

<sup>1</sup> Ban Quản lý Nhà ở sinh viên, Trường Đại học Hồng Đức, lehuukhue@hdu.edu.vn

<sup>2</sup> Giáo viên Trường Trung học phổ thông Triệu Sơn 5, tỉnh Thanh Hóa

những lợi ích mà công nghiệp mang lại cho lãnh thổ, những tác động của các nhân tố kinh tế và địa lý đối với sản xuất công nghiệp và hiệu quả của các chính sách phát triển công nghiệp theo lãnh thổ. Đáng chú ý là chỉ số mật độ GDP (GDP Density) đã được Gallup J. L., Sachs J. D., and Mellinger A. D sử dụng năm 1999 để lập bản đồ mật độ GDP toàn cầu. Đến năm 2017 Geography and Economic Development và Viện Chiến lược phát triển sử dụng để phân vùng kinh tế Việt Nam.

*Về phương pháp:* Hai phương pháp sử dụng để phân tích là phương pháp so sánh và phương pháp phân tích bản đồ. Chúng tôi tiến hành so sánh giá trị và mật độ giá trị sản xuất công nghiệp theo các đơn vị hành chính cấp 2 (27 huyện và tương đương), theo vùng và theo các hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp. Đồng thời phân tích thông tin về phân bố các cơ sở, khu, cụm, trung tâm và dải công nghiệp trên bản đồ Thanh Hóa để rút ra những nhận xét cần thiết.

### 3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

#### 3.1. Khái quát chung về công nghiệp Thanh Hóa

Trong 5 năm qua (2016 - 2020), giá trị sản xuất công nghiệp tăng trưởng đột phá, bình quân hằng năm 20%, vượt kế hoạch và cao nhất từ trước đến nay. Năm 2020 đạt 144.532 tỷ đồng, gấp 2,5 lần năm 2015, đứng đầu các tỉnh Bắc Trung bộ. Đã hoàn thành và đưa vào hoạt động nhiều cơ sở công nghiệp mới, đặc biệt là Liên hợp Lộ hóa dầu Nghi Sơn (một trong 3 dự án công nghiệp lớn nhất cả nước); triển khai xây dựng một số dự án công nghiệp quy mô lớn, tạo tiền đề cho tăng trưởng kinh tế của tỉnh trong giai đoạn tới. Các sản phẩm công nghiệp chủ lực đều duy trì tốc độ tăng trưởng cao. Các ngành công nghiệp sử dụng nhiều lao động và sản xuất tiểu thủ công nghiệp được quan tâm phát triển, góp phần tạo việc làm, tăng thu nhập cho lao động [6].

Tỷ trọng của công nghiệp trong GRDP của Thanh Hóa đã tăng từ 22,3% (2011) lên 32,4% (2019) và đạt mức 35% vào năm 2020. Đây được coi là mức cao (cả về tỷ lệ và tốc độ tăng) so với các địa phương trong vùng Duyên hải miền trung (đứng thứ hai, sau Hà Tĩnh: 39,1%) [4].

Giá trị sản xuất công nghiệp (SXCN) tăng đều qua các năm. Tốc độ tăng trưởng giai đoạn 2011-2015 đạt trên 14,1%/năm (thấp hơn nhiều so với quy hoạch đề ra là 28,1%/năm) [2]; Giai đoạn 2016 - 2017, tăng trưởng chậm lại, trên 10%/năm; Từ năm 2018, do có một số dự án lớn đi vào hoạt động như: Dự án lọc hóa dầu Nghi Sơn (2018), dự án Thép Nghi Sơn (2019), nên tăng trưởng giá trị SXCN tăng cao, đạt 34,2% (năm 2018) và 32,6% (năm 2019) [4]. Trong nội bộ ngành công nghiệp, tỷ trọng giá trị sản xuất của phân ngành chế tạo, chế biến luôn chiếm cao (trên 95%) trong tổng giá trị sản xuất toàn ngành công nghiệp [6].

#### 3.2. Phát triển công nghiệp Thanh Hóa theo các lãnh thổ hành chính cấp huyện

Do các huyện tăng cường huy động nguồn lực, có những ưu tiên để phát triển công nghiệp, tăng cường liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm,... nên công nghiệp ở tất cả các lãnh thổ cấp huyện đều có tốc độ tăng trưởng khá cao cả về giá trị sản xuất và mật độ công nghiệp.

*Về tốc độ tăng trưởng.* Trong giai đoạn 2011 - 2019, các huyện (và tương đương) có tốc độ tăng giá trị SXCN cao nhất là Thị xã Nghi Sơn (12,8 lần), gắn liền với sự vận hành thương mại nhà máy lọc hóa dầu. Sau đó đến Nga Sơn và Vĩnh Lộc (7,4 lần) do đẩy mạnh phát triển công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng (Vĩnh Lộc), công nghiệp dệt, may, đóng giày... (Nga Sơn). Các huyện có tốc độ tăng trưởng công nghiệp chậm là Đông Sơn (0,8 lần), Như Thanh (1,2 lần), Thường Xuân (1,5 lần)... do khả năng thu hút đầu tư phát triển công nghiệp còn yếu (Bảng 1).

*Về mật độ công nghiệp.* Mật độ công nghiệp có sự chênh lệch rất lớn giữa các đơn vị hành chính cấp huyện. Thấp nhất là huyện Mường Lát (26 triệu đồng/km<sup>2</sup>) và cao nhất là thành phố Thanh Hóa (185,5 tỷ đồng/km<sup>2</sup>), chênh nhau 7.134 lần.

Sự chênh lệch về mật độ công nghiệp giữa các đơn vị cấp huyện cũng thể hiện ngay trong từng vùng. Trong nội bộ vùng núi, chênh lệch giữa huyện có mật độ công nghiệp thấp nhất là Mường Lát (26 triệu đồng/km<sup>2</sup>) và huyện có mật độ công nghiệp cao nhất là Thạch Thành (2.434 triệu đồng/km<sup>2</sup>) lên tới 93 lần. Trong nội bộ vùng ven biển chênh lệch giữa thị xã Nghi Sơn (137,8 tỷ đồng/km<sup>2</sup>) và huyện Quảng Xương (7,8 tỷ đồng/km<sup>2</sup>) là 17,6 lần và trong nội bộ vùng đồng bằng chênh lệch giữa thành phố Thanh Hóa (185,5 tỷ đồng/km<sup>2</sup>) và huyện thấp nhất là Triệu Sơn (3,7 tỷ đồng/km<sup>2</sup>) là 50 lần.

Nhóm lãnh thổ cấp huyện có mật độ công nghiệp cao là thành phố Thanh Hóa (185,5 tỷ đồng/km<sup>2</sup>), sau đó đến thị xã Nghi Sơn (137,8 tỷ đồng/km<sup>2</sup>) và thị xã Bỉm Sơn (126,1 tỷ đồng/km<sup>2</sup>). Đây chính là cơ sở để hình thành những trung tâm công nghiệp mạnh trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Nhóm các huyện có mật độ công nghiệp thấp nằm ở khu vực miền núi như Mường Lát, Quan Sơn, Quan Hóa, Thường Xuân...

**Bảng 1. Giá trị và mật độ sản xuất công nghiệp Thanh Hóa các năm 2010, 2019 phân theo huyện, thị xã, thành phố**

TT	Tên huyện, thị xã	Giá trị SXCN (Tỷ đồng - Giá so sánh 2010)		Tăng, giảm 2010 - 2019 (lần)	Diện tích (km <sup>2</sup> )	Mật độ GTSXCN năm 2019 (Tỷ đ/km <sup>2</sup> )
		Năm 2010	Năm 2019			
	Thành phố					
1	TP Thanh Hóa	8.755,9	27.312,02	3,1	147,2	185,5
2	TP Sầm Sơn	217,9	473,29	2,2	44,9	10,5
3	TX Bỉm Sơn	5.087,4	8.487,14	1,7	67,3	126,1
4	TX Nghi Sơn	4.902,6	62.801,21	12,8	455,6	137,8
5	Huyện Thọ Xuân	2.107,1	2.463,75	1,2	295,1	8,3
6	Huyện Đông Sơn	1.931,6	1.474,56	0,8	82,4	17,9
7	Huyện Nông Công	852,2	1.415,87	1,7	292,5	4,8
8	Huyện Triệu Sơn	626,0	1.092,69	1,7	290,1	3,7
9	Huyện Quảng Xương	601,4	1.659,54	2,8	212,4	7,8
10	Huyện Hà Trung	1.394,0	2.211,16	1,6	245,6	9,0

11	Huyện Nga Sơn	406,4	3.015,49	7,4	145,2	20,7
12	Huyện Yên Định	552,1	2.808,28	5,1	228,7	12,2
13	Huyện Thiệu Hóa	447,9	1.553,71	3,5	164,9	9,4
14	Huyện Hoằng Hóa	800,1	2.195,61	2,7	224,6	9,7
15	Huyện Hậu Lộc	371,0	1.402,97	3,8	162,0	8,6
16	Huyện Vĩnh Lộc	208,2	1.550,31	7,4	150,9	10,2
17	Huyện Thạch Thành	818,1	1.295,13	1,6	551,7	2,347
18	Huyện Cẩm Thủy	129,4	657,53	5,1	425,0	1,547
19	Huyện Ngọc Lạc	175,8	522,17	3,0	497,2	1,050
20	Huyện Lang Chánh	36,2	72,24	2,0	585,9	0,123
21	Huyện Như Xuân	94,9	315,06	3,3	543,7	0,580
22	Huyện Như Thanh	207,0	250,23	1,2	587,3	0,426
23	Huyện Thường Xuân	128,5	190,90	1,5	1.105,1	0,172
24	Huyện Bá Thước	82,1	440,19	5,4	774,2	0,568
25	Huyện Quan Hóa	86,1	340,90	4,0	995,1	0,342
26	Huyện Quan Sơn	17,3	61,04	3,5	943,5	0,064
27	Huyện Mường Lát	4,9	21,59	4,4	808,7	0,026
	<b>Toàn tỉnh</b>	<b>31.042,1</b>	<b>126.084,63</b>	<b>4,06</b>	<b>11.120,6</b>	<b>11,34</b>
	Miền núi	1.780,3	4.167,01	2,34	8.045,9	0,518
	Ven biển	7.299,4	71.548	9,80	1.957,0	36,560
	Đồng bằng	21.962,4	50.370	2,29	1.178,7	42,733

*Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Thanh Hóa - Niên giám thống kê năm 2010 và năm 2019*

### 3.3. Phát triển công nghiệp theo các vùng

*Thanh Hóa tập trung phát triển công nghiệp trên cả 3 vùng lãnh thổ*

*Giai đoạn 2011 - 2015:* Giá trị SXCN tập trung chủ yếu ở vùng xuôi (gần 95%). Một số địa bàn có mức độ công nghiệp tập trung lớn, như thành phố Thanh Hóa, thị xã Bỉm Sơn, thị xã Tĩnh Gia, Thọ Xuân và Hà Trung. Năm 2011, 05 địa phương này đã chiếm trên 77,2% giá trị SXCN toàn tỉnh; đến năm 2015 tăng lên trên 77,8%. Đáng chú ý là, bên cạnh TP Thanh Hóa luôn dẫn đầu trong công nghiệp của tỉnh (khoảng 40%), thì một số địa phương có sự phát triển công nghiệp khá như: Tĩnh Gia, Nga Sơn, Vĩnh Lộc... (Bảng 2).

*Giai đoạn 2016 - 2020:* Với sự phát triển của Khu kinh tế Nghi Sơn, cơ cấu công nghiệp theo lãnh thổ ở Thanh Hóa có những thay đổi rất lớn. Vùng ven biển từ 23,5% năm 2010 tăng lên 56,7% năm 2019, vùng núi chiếm tỉ trọng thấp và giảm từ 5,7% năm 2010 xuống còn 3,3% năm 2020. Vùng đồng bằng giảm từ 70,8% năm 2010 xuống còn 40% năm 2019 (Bảng 1).

Năm 2010 mật độ công nghiệp trung bình của Thanh Hóa là 2,79 tỷ đồng/km<sup>2</sup>. Đến năm 2019, con số này là 11,34 tỷ đồng/km<sup>2</sup>, gấp 4,06 lần. Năm 2019, mật độ công nghiệp của vùng núi rất thấp, trung bình chỉ 518 triệu đồng/km<sup>2</sup>, vùng đồng bằng có mật độ công nghiệp cao nhất (42,7 tỷ đồng/km<sup>2</sup>) tiếp đến là vùng ven biển (36,5 tỷ đồng/km<sup>2</sup>).

Vùng đồng bằng chiếm 21,7% giá trị SXCN của tỉnh và tập trung phát triển các ngành công nghiệp chủ lực như: Lắp ráp ô tô, xi măng, dệt may, giày da và một số ngành sản phẩm công nghiệp chế biến, chế tạo khác; phát triển Tiểu thủ công nghiệp.

**Bảng 2. Một số chỉ tiêu về cơ cấu công nghiệp Thanh Hóa theo vùng năm 2020**

DVT: %

Vùng	Diện Tích	Dân số	Nhân lực công nghiệp	Giá trị SXCN (giá so sánh 2010)	Tăng trưởng CN 2010-2015	Tăng trưởng CN 2016 - 2020
Tổng	100,0	100,0	100,0	100,0	12,6	11,8
Vùng ven biển	17,6	45,4	59,6	72,9	13,3	14,5
Vùng đồng bằng	10,6	29,5	32,7	21,7	10,4	10,1
Vùng miền núi	71,8	25,1	7,7	5,4	12,7	8,2

Nguồn: Tổng hợp từ báo cáo của sở Công Thương Thanh Hóa

Vùng ven biển chiếm 72,9% giá trị SXCN của tỉnh và tập trung phát triển công nghiệp ở Khu kinh tế Nghi Sơn chủ yếu các ngành công nghiệp nặng (lọc hóa dầu, cơ khí, luyện kim, nhiệt điện...) đồng thời tiếp tục phát triển các ngành công nghiệp nhẹ (sản xuất hàng xuất khẩu, chế biến nông thủy sản, chế biến thực phẩm, tiểu thủ công nghiệp...) theo hướng tập trung ở các Khu công nghiệp, Cụm công nghiệp.

Vùng miền núi chiếm 5,4% giá trị SXCN của tỉnh và tập trung phát triển thủy điện, chế biến nông, lâm sản (thịt gia súc, gia cầm, gỗ, luồng), thức ăn gia súc, sản xuất vật liệu xây dựng, khai thác và chế biến khoáng sản, sản xuất hàng may mặc, giày xuất khẩu...

### 3.4. Phát triển các hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp

Hiện nay, trên lãnh thổ Thanh Hóa đã hình thành 5 hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp là điểm, cụm, khu, trung tâm và dải công nghiệp. Do số lượng điểm công nghiệp toàn tỉnh nhiều, nên trong bài báo nhóm tác giả chỉ đề cập đến một số điểm công nghiệp lớn, nổi trội hơn trong tỉnh.

#### 3.4.1. Cụm công nghiệp

Theo quy hoạch (đến năm 2025, định hướng đến năm 2030), Thanh Hóa có 71 Cụm công nghiệp (tổng diện tích đất quy hoạch là 2.139 ha). Đến năm 2019, đã có 47 Cụm công nghiệp đi vào hoạt động, diện tích cho thuê đạt 559,7 ha (tỷ lệ lấp đầy 32,7%). Đến cuối năm 2020, tỷ lệ này đạt 40,1%. Vốn đầu tư hạ tầng lũy kế đến tháng 12/2020 đạt 1.674,96 tỷ đồng (đạt 37,8% so với kế hoạch).

Các Cụm công nghiệp đã thu hút được 243 doanh nghiệp vào hoạt động với tổng vốn đầu tư đạt 5.917,2 tỷ đồng; thu hút 73.996 lao động. Giá trị SXCN đạt 12.244,8 tỷ đồng; đóng góp cho ngân sách 352,1 tỷ đồng.

Quy mô trung bình của các Cụm công nghiệp là khoảng 30 ha. Các địa phương có nhiều Cụm công nghiệp là: Hà Trung (7 cụm), thành phố Thanh Hóa (4 cụm), Thọ Xuân (4 cụm), Yên Định (4 cụm), Triệu Sơn (4 cụm), các huyện miền núi chỉ 1 - 2 Cụm.

Tuy nhiên, trong số 71 Cụm công nghiệp được quy hoạch có tới 20 Cụm công nghiệp (28,17%) có diện tích dưới 20 ha. Tính đến 31/12/2018, trong số 47 Cụm công nghiệp đã đi vào hoạt động, có tới 20 Cụm công nghiệp (42,55%) có diện tích dưới 20 ha; trong đó có 7 Cụm công nghiệp (14,9%) có quy mô diện tích dưới 10 ha. Quy mô này là quá nhỏ và ảnh hưởng xấu đến thu hút đầu tư và sự phát triển của doanh nghiệp trong mở rộng sản xuất.

#### 3.4.2. Khu công nghiệp

Thanh Hóa có 16 Khu công nghiệp, bao gồm 8 Khu công nghiệp và 8 Khu công nghiệp trong Khu kinh tế Nghi Sơn.

*Các Khu công nghiệp độc lập.* 08 Khu công nghiệp độc lập có tổng diện tích 2.035 ha với cơ sở hạ tầng tương đối đồng bộ, trong đó 100% các Khu công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung.

Khu công nghiệp Lễ Môn (thành phố Thanh Hóa) có diện tích là 87,61ha với nhiều doanh nghiệp FDI hoạt động hiệu quả như: Công ty TNHH Sunjade (Đài Loan), Công ty TNHH Sakurai (Nhật Bản), Công ty TNHH Yotsuba Dress (Nhật Bản)... và những doanh nghiệp lớn của Việt Nam như Vinamilk... Khu công nghiệp Lễ Môn hiện đang khuyến khích thu hút các dự án ứng dụng công nghệ cao, chế tạo và gia công từ các nguồn nguyên liệu trong tỉnh, sử dụng nhiều lao động và sản xuất các mặt hàng xuất khẩu có giá trị kinh tế cao; nhóm ngành sản xuất hàng tiêu dùng, dệt may, giày da; chế biến nông, lâm, thủy sản; lắp ráp cơ khí, điện tử, thiết bị viễn thông.

Khu công nghiệp Đình Hương - Tây Bắc Ga (thành phố Thanh Hóa) có diện tích 150 ha, nằm ở phía Bắc thành phố Thanh Hóa với các lĩnh vực chính là sản xuất lắp ráp hàng điện tử, viễn thông; may mặc, bao bì; sản xuất đồ gia dụng, thủ công mỹ nghệ, chế biến nông lâm thực phẩm, thức ăn gia súc, gia cầm; các ngành cơ khí chế tạo, lắp ráp và dịch vụ.

Khu công nghiệp Hoàng Long (thành phố Thanh Hóa) có diện tích là 286 ha, đã đầu tư khá hoàn thiện cơ sở hạ tầng với các ngành công nghiệp chế biến thực phẩm, sản xuất hàng tiêu dùng, dệt, may, cơ khí...

Khu công nghiệp Bim Sơn (thị xã Bim Sơn), rộng 566 ha với các ngành công nghiệp: cơ khí, sản xuất vật liệu xây dựng, dệt may, hóa chất, phân bón, hàng tiêu dùng xuất khẩu...

Khu công nghiệp Lam Sơn - Sao Vàng (huyện Thọ Xuân) rộng 550 ha, tập trung phát triển các ngành điện tử, viễn thông; sản xuất và lắp ráp các sản phẩm điện tử, viễn thông. Sau năm 2020 sẽ phát triển thành khu công nghệ cao của tỉnh.

Khu công nghiệp Thạch Quảng (huyện Thạch Thành): Diện tích quy hoạch Khu công nghiệp là 100 ha. Thu hút các ngành chế biến nông, lâm sản, thực phẩm; thuốc; phân bón; sản xuất vật liệu xây dựng...

Khu công nghiệp Bãi Trành (huyện Như Xuân): Quy hoạch Khu công nghiệp với diện tích 116 ha, tập trung phát triển chế biến một số sản phẩm sau lọc hóa dầu, chế biến lâm sản, khoáng sản.

Khu công nghiệp Ngọc Lặc (huyện Ngọc Lặc): Diện tích quy hoạch là 150 ha, đầu tư hạ tầng tập trung vào chế biến nông, lâm sản, sản xuất dược liệu, chế biến gỗ, sản xuất mặt hàng xuất khẩu.

*Các khu công nghiệp trong Khu kinh tế Nghi Sơn:* có 8 Khu công nghiệp với tổng diện tích là 2.789,49 ha, bao gồm Khu liên hợp lọc hoá dầu, Trung tâm nhiệt điện Nghi Sơn, Khu công nghiệp luyện kim (473,60 ha) và 5 Khu công nghiệp tập trung (Khu công nghiệp số 1 (241,29 ha), Khu công nghiệp số 2 (128,37 ha), Khu công nghiệp số 3 (247,12 ha), Khu công nghiệp số 4 (385,24 ha), Khu công nghiệp số 5 (462,87 ha).

Khu liên hợp lọc hoá dầu: Diện tích quy hoạch 504 ha; trong đó 394 ha thuộc mặt bằng nhà máy giai đoạn 1 (bao gồm Khu nhà máy, khu cảng và khu đường ống dẫn dầu), 110 ha quy hoạch cho giai đoạn mở rộng công suất lên 20 triệu tấn/năm.

Trung tâm nhiệt điện Nghi Sơn: Diện tích quy hoạch 347 ha, gồm mặt bằng nhà máy nhiệt điện Nghi Sơn 1, Nhà máy nhiệt điện Nghi Sơn 2 và khu bến cảng chuyên dụng (20 ha).

**Bảng 3. Một số chỉ tiêu kinh tế các KKT, KCN và CCN Thanh Hóa**

STT	Chỉ tiêu	KKT Nghi Sơn	Các KCN	Các CCN
1	Giá trị sản xuất CN-TM-DV (tỷ đồng)	390.413	186.622	12.244,8
2	Giá trị xuất khẩu (triệu USD)	3.713	4.863	-
3	Thu ngân sách (tỷ đồng)	51.863	5.513	352,1
4	Giải quyết việc làm (người)	37.000	67.000	73.996
5	Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)	188.252	8.741	7.903,2
6	Đầu tư hạ tầng (% so với kế hoạch)	10	25	37,8
7	Tỷ lệ lấp đầy (% so với kế hoạch)	15,0	-	40,1

*Nguồn: Báo cáo của UBND tỉnh Thanh Hóa [10]*

*Về đầu tư hạ tầng:* Các khu công nghiệp đều đang đẩy nhanh hoàn thiện các hạng mục liên quan đến hạ tầng kỹ thuật (san lấp mặt bằng, đường giao thông, hệ thống cấp điện, cấp thoát nước, xử lý chất thải...) và hạ tầng xã hội (nhà ở cho công nhân, các khu tái định cư...) để tạo điều kiện tốt cho thu hút dự án đầu tư [6].

*Về thu hút đầu tư:* Từ 2016 đến nay, các khu công nghiệp đã thu hút được 143 dự án (gồm: 121 dự án FDI và 22 dự án trong nước, với tổng vốn đầu tư đăng ký 6.635 tỷ đồng và 219,7 triệu USD. Lũy kế, tại các Khu công nghiệp đã thu hút được 334 dự án trong nước, tổng vốn đăng ký đầu tư là 18.363 tỷ đồng, vốn thực hiện đạt 8.724 tỷ đồng và 38 dự án FDI với tổng vốn đăng ký đầu tư là 553 triệu USD, vốn thực hiện đạt 345,4 triệu USD. Năm 2019, Khu công nghiệp Bim Sơn đã thu hút được 9 dự án FDI với tổng vốn đăng ký 170,8 triệu USD, điển hình như các dự án: Nhà máy Intco Medical Việt Nam (dự án sản xuất sản phẩm trang trí công nghệ thân thiện môi trường), với tổng vốn đầu tư là 145 triệu USD,... Đến nay, các Khu công nghiệp trên đã có hơn 300 dự án đi vào hoạt động ổn định, đóng góp rất lớn cho sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Như vậy, hạ tầng cho phát triển công nghiệp của Thanh Hóa hiện nay đã được hình thành và đang từng bước được hoàn thiện. Các Khu công nghiệp được quy hoạch với diện tích khá lớn (trừ Khu công nghiệp Lễ Môn có diện tích quy hoạch dưới 100 ha, còn lại đều trên 170 ha).

### 3.4.3. Trung tâm công nghiệp

*Trung tâm công nghiệp Nghi Sơn:* Khu kinh tế Nghi Sơn được Chính phủ phê duyệt năm 2006, quy hoạch ban đầu là 18.611,8 ha; năm 2018, được mở rộng lên 106.000 ha theo quy hoạch điều chỉnh, mở rộng đến năm 2035, tầm nhìn đến 2050 (QĐ số 1699/QĐ-TTg ngày 07/12/2018). Khu kinh tế Nghi Sơn là một Trung tâm công nghiệp lớn của Thanh Hóa và cả nước. Tỷ trọng giá trị SXCN của trung tâm công nghiệp Nghi Sơn trong giá trị SXCN Thanh Hóa tăng gấp hơn 3 lần trong 10 năm qua (từ 15,79% năm 2010 lên 49,81% năm 2019). Mật độ giá trị SXCN năm 2019 là 137,8 tỷ đồng/km<sup>2</sup>.

Trung tâm công nghiệp Nghi Sơn có 8 Khu công nghiệp với tổng diện tích là 2.789,49 ha. Dự kiến đến năm 2035, tổng diện tích đất dành cho SXCN là 9.057,9 ha, bao gồm Khu Đông Bắc 1.720,0 ha; Khu trung tâm khoảng 781,0 ha; Khu cảng Nghi Sơn khoảng 2.733,4 ha; Khu phía Nam khoảng 1.431,5 ha; Khu phía Tây khoảng 2.392,0 ha. Sau năm 2035 sẽ phát triển thêm 3.000 ha đất công nghiệp về phía Tây Bắc KKT theo trục đường Cảng hàng không Thọ Xuân - Khu kinh tế Nghi Sơn.

Đến nay, một số dự án công nghiệp lớn, trọng điểm đã hoàn thành đầu tư và đưa vào hoạt động, đóng góp lớn cho tăng trưởng kinh tế của tỉnh, như: Liên hợp lọc hóa dầu Nghi Sơn, Nhà máy sản xuất dầu ăn và các sản phẩm chiết xuất từ dầu ăn, Dây chuyền 1 Nhà máy luyện cán thép Nghi Sơn, Nhà máy sản xuất bao bì Đại Dương, Nhà máy Nhiệt điện Nghi Sơn 2 (tổng mức đầu tư 2.793 triệu USD), Khu bến container và khu hậu cần cảng (6.100 tỷ đồng), Bến cảng tổng hợp Long Sơn (2.300 tỷ đồng), Dây chuyền 1&2 Nhà máy xi măng Đại Dương (7.700 tỷ đồng); hệ thống cấp nước Khu kinh tế Nghi Sơn (1.119 tỷ đồng).

*Trung tâm công nghiệp TP Thanh Hóa:* có các ngành chuyên môn hóa là công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng, cơ khí, chế biến lương thực, thực phẩm, chế biến lâm sản và sản xuất giấy, may, đóng giày, điện tử... Giá trị sản xuất công nghiệp chiếm 28,21% năm 2019 và 21,66% năm 2020, giá trị sản xuất công nghiệp của Thanh Hóa và mật độ giá trị SXCN là 185,5 tỷ đồng/km<sup>2</sup>. Trung tâm công nghiệp thành phố Thanh Hóa có 3 khu công nghiệp là Khu công nghiệp Lê Môn, Khu công nghiệp Đình Hương - Tây Bắc Ga và công nghiệp Hoàng Long và 4 Cụm công nghiệp với tổng diện tích là 98,4 ha gồm Cụm công nghiệp Vực (52,8 ha), Cụm công nghiệp Thiệu Dương (20 ha), Cụm công nghiệp Đông Lĩnh (8,6 ha) và Cụm công nghiệp Đông Hưng (17 ha).

### 3.4.4. Phát triển các dải công nghiệp

Trong 2 thập kỷ qua Thanh Hóa đã tập trung phát triển 5 dải công nghiệp sau:

Dải công nghiệp ven biển, kết nối Thanh Hóa với các tỉnh phía Bắc và tỉnh Nghệ An, thông qua tuyến đường bộ và đường thủy ven biển với các ngành công nghiệp mũi nhọn là khai thác và chế biến hải sản, lọc hóa dầu, sản xuất hàng tiêu dùng.

Dải công nghiệp quốc lộ 1A, kết nối Thanh Hóa với thủ đô Hà Nội, các tỉnh phía Bắc và Bắc Trung bộ, thông qua tuyến đường Quốc lộ 1A với các ngành công nghiệp mũi nhọn là chế biến chế tạo, năng lượng, sản xuất vật liệu xây dựng, sản xuất hàng tiêu dùng, chế biến lương thực, thực phẩm.

Dải công nghiệp dọc đường Hồ Chí Minh, kết nối Thanh Hóa với Hà Nội, các tỉnh phía Bắc và Nghệ An với các ngành công nghiệp mũi nhọn là công nghiệp chế biến nông lâm sản.



Dải công nghiệp Đông Bắc, kết nối Cảng Lạch Sung - Nga Sơn - Bim Sơn - Thạch Thành với các tỉnh phía Bắc thông qua Quốc lộ 217B và Quốc lộ 217 với các ngành công nghiệp mũi nhọn là sản xuất vật liệu xây dựng, chế biến nông sản, chế biến hải sản, sản xuất hàng tiêu dùng.

Dải công nghiệp Đông - Tây kết nối thành phố Sầm Sơn - thành phố Thanh Hóa - huyện Thọ Xuân thông qua Đại lộ Nam sông Mã, Đại lộ Lê Lợi, đường từ thành phố Thanh Hóa đi Cảng Hàng không Thọ Xuân với các ngành công nghiệp mũi nhọn là công nghiệp chế biến, chế tạo (chế biến lương thực, thực phẩm; sản xuất hàng tiêu dùng và công nghiệp công nghệ cao).

### **3.5. Đề xuất một số giải pháp phát triển công nghiệp theo lãnh thổ Thanh Hóa đến năm 2030**

Trong 2 thập kỷ qua Thanh Hóa đã chú trọng phát triển công nghiệp trên tất cả các lãnh thổ, trong đó đã tập trung phát triển các Khu công nghiệp, Cụm công nghiệp, dải công nghiệp và Trung tâm công nghiệp; đã hình thành được những ngành công nghiệp quan trọng với một số sản phẩm mới làm tăng giá trị SXCN. Tuy nhiên, hạ tầng các Khu công nghiệp, Cụm công nghiệp, Trung tâm công nghiệp còn nhiều hạn chế, tỷ lệ lấp đầy thấp, chưa có các Khu công nghiệp dành riêng cho phát triển công nghiệp hỗ trợ, chưa tạo dựng và phát triển được các cụm liên kết ngành mà sản phẩm công nghiệp của Thanh Hóa là chủ đạo, phát triển công nghiệp ở miền núi còn hạn chế và chênh lệch vùng trong phân bố công nghiệp còn lớn.

Để phát triển công nghiệp theo lãnh thổ Thanh Hóa hợp lý hơn từ nay đến năm 2030, nhóm tác giả nghiên cứu đề xuất một số giải pháp sau:

Hoàn thiện, rà soát, bổ sung các quy hoạch, kế hoạch phát triển công nghiệp đã ban hành theo tinh thần Nghị quyết số 58-NQ/TW ngày 05/8/2020 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, định hướng đến năm 2045 và Nghị quyết số 13/NQ-CP ngày 03/02/2021 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 58-NQ/TW ngày 05/8/2020 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

*Cơ cấu lại sự phân bố công nghiệp theo các vùng:* Vùng đồng bằng phát triển các ngành công nghiệp chủ lực: lắp ráp ô tô, xi măng, dệt may, giày da và một số ngành sản phẩm công nghiệp chế biến, chế tạo khác; phát triển trung tâm công nghiệp. Ưu tiên thu hút và tạo điều kiện phát triển các ngành, sản phẩm công nghiệp công nghệ cao, công nghệ phục vụ hóa dầu. Vùng ven biển phát triển chủ yếu các ngành lọc hóa dầu, cơ khí, luyện kim, nhiệt điện... đồng thời tiếp tục phát triển các ngành công nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu, chế biến nông thủy sản, chế biến thực phẩm,... theo hướng tập trung ở các Khu công nghiệp, Cụm công nghiệp; Vùng miền núi tập trung phát triển công nghiệp thủy điện, chế biến nông, lâm sản (thịt gia súc, gia cầm, gỗ, luồng), thức ăn gia súc, sản xuất vật liệu xây dựng, khai thác và chế biến khoáng sản, sản xuất hàng may mặc, giày xuất khẩu...

Đẩy mạnh thu hút đầu tư, nhất là đầu tư trực tiếp của các tập đoàn, công ty lớn vào các dự án sản xuất có công nghệ cao như: Sản phẩm sau lọc hóa dầu, sản xuất điện, ô tô, kim loại, thiết bị điện tử, tin học,... Đồng thời, tiếp tục thu hút đầu tư các ngành công

nghiệp sử dụng nhiều lao động như: May mặc, giày da... Tăng cường huy động nguồn lực xã hội hóa cho đầu tư hạ tầng các Khu kinh tế, Khu công nghiệp, Cụm công nghiệp theo hướng đồng bộ, hiện đại.

Hoàn thiện cơ chế, chính sách cho phát triển công nghiệp theo hướng: Điều chỉnh, bổ sung các cơ chế chính sách ưu đãi cho các dự án đầu tư vào các Khu công nghiệp, Cụm công nghiệp trên cơ sở vận dụng tối đa các cơ chế chính sách ưu đãi cao nhất được Nhà nước cho áp dụng đối với các dự án đầu tư vào địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Thực hiện mức giá cho thuê đất thấp nhất đối với các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng các Khu công nghiệp, Cụm công nghiệp; Xây dựng và hoàn thiện chính sách hỗ trợ phát triển các ngành công nghiệp hỗ trợ; Ban hành chính sách hỗ trợ để thu hút lao động có chuyên môn cao, tay nghề giỏi về làm việc lâu dài tại các Khu công nghiệp, Cụm công nghiệp và Trung tâm công nghiệp; Có chính sách đặc thù đối với các dự án đầu tư vào Khu kinh tế Nghi Sơn (đưa vào danh mục dự án đặc biệt quan trọng Quốc gia, miễn thuế trong 30 năm đầu tiên, giảm thuế thu nhập...); Hoàn thiện một số chính sách như chính sách đất đai, chính sách phát triển thị trường, xúc tiến thương mại, đào tạo nguồn nhân lực... và nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý Nhà nước về công nghiệp.

#### 4. KẾT LUẬN

Trong hai thập kỷ qua Thanh Hóa đã chú trọng phát triển công nghiệp trên tất cả các lãnh thổ, nhưng mạnh nhất là đồng bằng và ven biển. Trong đó đã tập trung phát triển các Khu công nghiệp, Cụm công nghiệp, dải và trung tâm công nghiệp. Kết quả đã hình thành 47 cụm, 16 khu, 5 dải và 2 trung tâm công nghiệp. Tuy nhiên, các hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp này còn nhiều hạn chế về cơ sở hạ tầng, tỷ lệ lấp đầy thấp. Công nghiệp ở khu vực miền núi còn kém phát triển và chênh lệch vùng trong phân bố công nghiệp còn lớn. Trên cơ sở đó nhóm tác giả đã đề xuất một số giải pháp để phát triển công nghiệp hợp lý trên lãnh thổ Thanh Hóa đến năm 2030.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bộ Chính trị (2020), *Nghị quyết số 58-NQ/TW ngày 05/8/2020 của BCT về Xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.*
- [2] Chính phủ (2015), *Quyết định số 872/QĐ-TTg ngày 17/06/2015 về Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển Kinh tế - Xã hội tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.*
- [3] Cục thống kê tỉnh Thanh Hóa, *Niên giám thống kê các năm 2010 đến 2019.*
- [4] Dương Đình Giám (2020), *Phát triển công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, thực trạng và giải pháp đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Hội Khoa học Kinh tế Việt Nam tại Hội thảo Phát triển bền vững tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.*
- [5] Lê Thị Lê (2016), *Sự phát triển các khu công nghiệp vùng Bắc Trung Bộ - Thực trạng và giải pháp*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

- [6] Tỉnh ủy Thanh Hóa (2020), *Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa lần thứ X (2020) về phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh thời kỳ 2020 - 2025*.
- [7] Lê Văn Trường (2019), Xây dựng bộ tiêu chí tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại cho Thanh Hóa vào năm 2030, *Tạp chí khoa học Trường Đại học Hồng Đức*, Số (43)2/2019, Tr.114-124.
- [8] Lê Văn Trường, Nguyễn Đức Phụng (2020), Cơ cấu lãnh thổ kinh tế tỉnh Thanh Hóa, *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Hồng Đức*, Số (52)12/2020.
- [9] UBND tỉnh Thanh Hóa (2017), *Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 16/01/2017 về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển công nghiệp và thương mại tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, định hướng đến năm 2030*.
- [10] UBND tỉnh Thanh Hóa (2020), *Báo cáo tình hình thực hiện kinh tế - xã hội các năm từ 2015 đến 2020*.

## INDUSTRIAL DEVELOPMENT IN CONFORMITY WITH TERRITORY IN THANH HOA PROVINCE

Le Huu Khue, Thieu Thi Huong

### ABSTRACT

*Using indicators and maps, the paper analyzes the state of industrial development by territory in Thanh Hoa province. The results show that in the last two decades, industry in Thanh Hoa has been developed in all districts, towns, cities and territorial zone. In districts, towns and cities on the plains and coastal zones, industry has a higher density and faster develops. Thanh Hoa province has formed 47 small industrial clusters, 16 industrial parks, 5 industrial strips and 2 industrial zones. The paper proposes some solutions to rationally industrial development in conformity with territory in Thanh Hoa province to 2030.*

**Keywords:** *Industrial development, territory, Thanh Hoa province.*

\* Ngày nộp bài: 19/4/2021; Ngày gửi phản biện: 26/4/2021; Ngày duyệt đăng: 25/5/2021